TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 01 - 2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Cường

Bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Nhật Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987
Nơi thường trú: thôn P, phường A, tỉnh Quảng Ninh
Nơi ở hiện tại: tổ G, khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh
Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1982
Nơi thường trú: tổ E, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh
Nơi ở hiện tại: tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/02/2024 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh).

Anh K kết hôn lần đầu, còn chị T kết hôn lần thứ hai. Trước khi kết hôn cả hai có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm.

Tuy nhiên sau khi kết hôn do điều kiện công việc cũng như hoàn cảnh gia đình nên anh K và chị T không về sống chung trong cùng một nhà mà mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Ngoài ra anh chị còn thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được.

Anh K nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, thực tế cuộc sống chung giữa anh và chị T không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Minh T.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Minh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Minh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Nguyễn Minh T không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Minh T trình bày:

Chị T xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh K đã trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn do điều kiện, hoàn cảnh chưa có nhà riêng nên chị T và anh K chưa về sống chung trong cùng một nhà với nhau mà mỗi người sống một nơi. Mặc dù không sống chung nhưng chị T và anh K vẫn thường xuyên qua lại quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có những mâu thuẫn, hiểu lầm nhỏ nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn.

Đối với yêu cầu ly hôn của anh K, chị T không đồng ý với lý do chị thấy rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, vẫn có thể khắc phục được, chị T vẫn còn tình cảm và mong muốn được tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng với anh K. Do đó chị T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh Nguyễn Văn K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh Nguyễn Văn K không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/12/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi anh Nguyễn Văn K đang sinh sống và được địa phương cung cấp thông tin: về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của anh Nguyễn Văn K như thế nào thì tổ dân không nắm được do anh K không trình báo, thông tin gì với tổ dân. Qua nắm thông tin thì anh K chỉ sống tại tổ G, khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh một mình, không sống cùng vợ, con.

Ngày 26/12/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi chị Nguyễn Minh T đang sinh sống và được địa phương cung cấp thông tin: về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Minh T cụ thể như thế nào thì tổ dân không nắm được do chị T không đăng ký tạm trú, không phải là công dân của tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K; anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Minh T.

Về con chung và tài sản chung: không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn – anh Nguyễn Văn K khởi kiện về việc ly hôn đối với bị đơn – chị Nguyễn Minh T có nơi đăng ký thường trú tại: tổ E, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh và nơi ở hiện tại: tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Việc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2024 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) do đó quan hệ hôn nhân của anh K và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Nguyễn Văn K thì thấy:

Trước khi kết hôn cả hai có một khoảng thời gian tìm hiểu. Sau khi kết hôn, anh K và chị T không sống chung cùng một nhà mà mỗi người sống một nơi. Đến nay anh K xác nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không tồn tại, không có sự yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cả về kinh tế và tinh thần. Do vậy anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Đối với bị đơn – chị Nguyễn Minh T cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh K chỉ là những mâu thuẫn, hiểu lầm nhỏ, chưa trầm trọng đến mức độ phải ly hôn. Mặc dù cuộc sống chung vợ chồng chưa tồn tại nhưng chị và anh K vẫn quan tâm, chăm sóc nhau tuy nhiên chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị. Chị T cũng xác nhận việc từ khi kết hôn đến nay, chị và anh K không sống chung cùng một nhà với nhau mà vẫn sống riêng, mỗi người một nơi.

Như vậy có thể thấy rằng mặc dù đã đăng ký kết hôn nhưng cuộc sống chung của anh K và chị T thực tế không tồn tại. Hiện tại mặc dù cả hai anh chị đều đang thuê nhà trên địa bàn phường H, tỉnh Quảng Ninh, không có trở ngại khách quan nhưng lại không cùng chung sống với nhau mà mỗi người sống một nơi. Cả chị T và anh K đều không có kế hoạch về việc tạo lập cuộc sống chung vợ chồng. Như vậy anh K và chị T đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T không muốn vợ chồng ly hôn nhưng không có giải pháp để xây dựng cuộc sống chung, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng mà để mặc cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định

của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị T là trầm trọng, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của anh K là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T đều xác nhận quá trình chung sống anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T đều xác nhận anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T đều xác nhận anh chị không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: anh Nguyễn Văn K phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Minh T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Minh T không vay nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/11/2025 theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001722 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ninh;
- UBND phường H, tỉnh Quảng Ninh (ĐKKH số 10/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương